

BẢN CÔNG KHAI MỨC TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU CỦA KIỂU LOẠI XE

1. Thông tin chung

- 1.1. Tên cơ sở sản xuất/ nhập khẩu: Công ty TNHH TM Và DV Mô Tô Xe Máy Rõng Việt
- 1.2. Địa chỉ: 168/1B Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 26, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
- 1.3. Loại xe phương tiện: Xe mô tô 2 bánh /~~Xe gắn máy 2 bánh~~/loại xe khác⁽⁺⁾:
- 1.4. Nhân hiệu: HONDA
- 1.5. Tên thương mại: CRF150L
- 1.6. Mã kiểu loại (Số loại): T4G02T31S2A M/T
- 1.7. Số giấy chứng nhận⁽²⁾: 20KXM/374807
- 1.8. Số Báo cáo thử nghiệm tiêu thụ nhiên liệu số: 4035/NETC-M/20/C, ngày 06/10/2020

2. Thông số kỹ thuật của Xe

- 2.1. Khối lượng bản thân: 122 (kg)
- 2.2. Khối lượng toàn bộ lớn nhất: 242 (kg)
- 2.3. Động cơ
 - 2.3.1. Kiểu động cơ: KD11E Loại động cơ: Xăng, 4 kỳ, 1 xi lanh, làm mát bằng không khí.
 - 2.3.2. Thể tích làm việc (Dung tích xy lanh): 149,15 cm³.
 - 2.3.3. Công suất lớn nhất/số vòng quay: 9,51kW/8000rpm
- 2.4. Hệ thống cung cấp nhiên liệu: ~~Chế hòa khí~~/ phun nhiên liệu/~~khác~~:⁽¹⁾
- 2.5. Hộp số
 - 2.5.1. Điều khiển: Cơ khí/~~Tự động~~ ⁽¹⁾
 - 2.5.2. Số lượng tỷ số truyền: 5 số
 - 2.5.3. Tỷ số truyền từng cấp số: 3,076/ 1,944/ 1,409/ 1,120/ 0,937
- 2.6. Tỷ số truyền cuối cùng: 3,267.
- 2.7. Lốp
 - 2.7.1. Ký hiệu cỡ lốp trực 1: 2.75-21, áp suất lốp: 225 kPa.



2.7.2. Ký hiệu cỡ lốp trực 2: 4.10-18, áp suất lốp: 225 kPa.

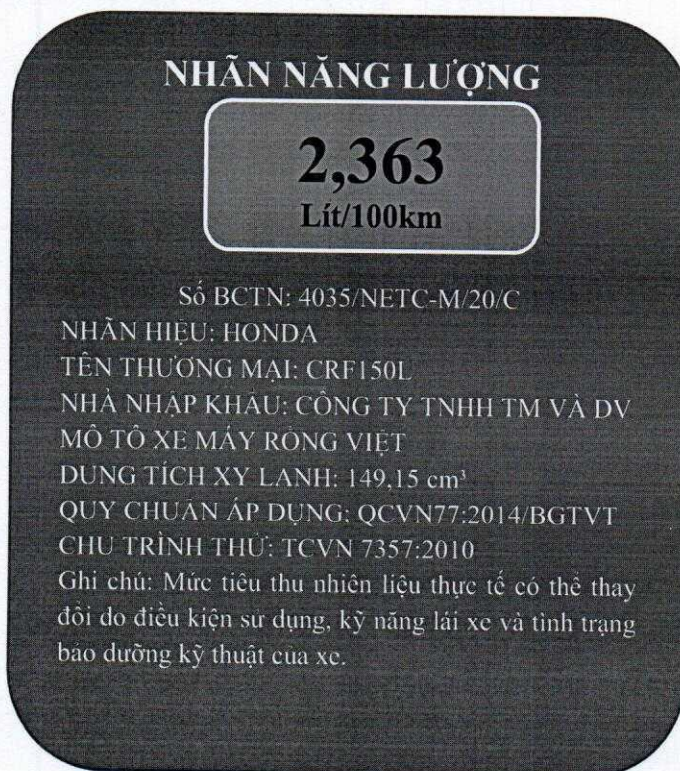
2.8. Vận tốc thiết kế lớn nhất do cơ sở sản xuất quy định: km/h.

3. Công khai mức tiêu thụ nhiên liệu

3.1. Chu trình thử: TCVN 7357:2010/~~TCVN 7358:2010/~~TCVN 9726:2013/.⁽¹⁾

3.2. Mức tiêu thụ nhiên liệu công khai: 2,363 lít/100 km

4. Mẫu nhãn năng lượng công khai



5. Ghi chú (nếu có):

.....
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 05 năm 2021
Công ty TNHH TM Và DV Mô Tô Xe Máy Rồng Việt



PHÓ GIÁM ĐỐC
ĐẶNG HÙNG DŨNG

Ghi chú:

⁽¹⁾ Gạch ngang phần không áp dụng.